

Số: 28/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi bởi Luật Giáo dục 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐHV ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về Ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

**Điều 3.** Các đơn vị trực thuộc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện Thông tin tuyển sinh đảm bảo đúng quy định, hiệu quả. 7

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP, ĐT.



Hoàng Minh Tuấn

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026**  
**(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)**

**I. THÔNG TIN CHUNG** (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

**1. Tên cơ sở đào tạo:** HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

**Tên tiếng Anh:** Vietnam Youth Academy

**2. Mã trường:** HTN

**3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):**

STT	Loại cơ sở đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Mã trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	HTN	Số 58 Nguyễn Chí Thanh - Số 3 Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội
2	Phân hiệu	Phân hiệu Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	HTH	261 Hoàng Hữu Nam, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:**

<https://vya.edu.vn>

<https://tuyensinh.vya.edu.vn>

**5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh**

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-2025-vya>

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/ban-hanh-du-thao-de-an-tuyen-sinh-nam-2025>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0989770066

- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

Website: <https://tuyensinh.vya.edu.vn>

Fanpage: <https://www.facebook.com/hocvienthanhnienvietnam>

**7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**

- Chương trình đào tạo: <https://vya.edu.vn/chuong-trinh-dao-cao-hvttvn>

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://vya.edu.vn/cong-khai-clgd>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
<b>Khoa học xã hội và hành</b>		<b>350</b>	<b>160</b>	<b>90</b>	<b>82</b>
Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Đại học	150	54	27	24
Quản lý nhà nước	Đại học	150	91	55	51
Tâm lý học	Đại học	50	15	8	7
<b>Dịch vụ xã hội</b>		<b>400</b>	<b>159</b>	<b>77</b>	<b>68</b>
Công tác xã hội	Đại học	150	60	25	21
Công tác thanh thiếu niên	Đại học	250	99	52	47
<b>Báo chí và thông tin</b>		<b>200</b>	<b>208</b>	<b>94</b>	<b>85</b>
Quan hệ công chúng	Đại học	200	208	94	85
<b>Pháp luật</b>		<b>200</b>	<b>190</b>	<b>86</b>	<b>80</b>
Luật	Đại học	200	190	86	80

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/vya-ban-hanh-de-an-tuyen-sinh-2024>

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/vya-thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-2025>

Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			Ghi chú
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	
1	Năm tuyển sinh 2024		x		
2	Năm tuyển sinh 2025		x		

### 8. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công tác Thanh thiếu niên	7760102	661/QĐ-BGDĐT	17/02/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2025
2	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	7310202	661/QĐ-BGDĐT	17/02/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2025
3	Tâm lý học	7310401	2002/QĐ-BGDĐT	20/07/2020	Cơ quan có thẩm quyền	2020	2025
4	Luật	7380101	4450/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2025
5	Công tác xã hội	7760101	3274/QĐ-BGDĐT	24/08/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2025
6	Quản lý Nhà nước	7310205	4450/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2025
7	Quan hệ công chúng	7320108	4450/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2025
8	Kinh tế	7310101	185/QĐ-HVTTNVN	12/03/2025	Tự chủ mở ngành	2025	2025
9	Công nghệ thông tin	7480201	185/QĐ-HVTTNVN	12/03/2025	Tự chủ mở ngành	2025	2025

### 9. Điều kiện đảm bảo chất lượng

- Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Học viện <https://vya.edu.vn/dam-bao-chat-luong>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

#### 1.1 Đối tượng

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện, cụ thể như sau:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển, bao gồm:

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

**1.2 Điều kiện dự tuyển:** Điều kiện được đề cập tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại văn bản này;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị hạn chế các quyền dân sự liên quan đến việc học tập;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ bản cứng photo công chứng dự tuyển nộp về Học viện theo quy định.

- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Học viện sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

- Đối với các đối tượng diện dự bị đại học thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

**1.3. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc

### 2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026 Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tuyển sinh đại học chính quy theo 04 phương thức sau đây:

**Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng (theo Điều 8 quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) – Mã 301

**Phương thức 2:** Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT – Mã 200

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 (không xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026).

Thí sinh đạt kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên và có tổng điểm trung bình chung kết quả học tập 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của năm lớp 10, 11, 12 đạt

ngưỡng cụ thể của từng ngành. Học viện sẽ thông báo trong Thông báo tuyển sinh tại thời điểm tổ chức xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội không xét kết quả học tập THPT (Mã 200) đối với ngành Luật và ngành Quan hệ công chúng

Điểm trung bình chung học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 6.0$  điểm (*Bằng chữ: sáu phẩy không*) và điểm trung bình chung kết quả học tập 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của cả năm lớp 10, 11, 12 phải  $\geq 18.0$  điểm.

Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm cộng, ưu tiên, điểm khuyến khích (nếu có). Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập THPT các môn phải bao gồm môn Toán hoặc môn Ngữ văn, với trọng số tính điểm của môn này tối thiểu bằng  $1/3$  tổng điểm xét tuyển

Quy định về cách tính điểm xét tuyển phương thức xét kết quả học tập THPT (thang điểm 30) như sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Trong đó:

ĐTB: Điểm trung bình;

ĐTB môn = (Điểm cả năm lớp 10 + Điểm cả năm lớp 11 + Điểm cả năm lớp 12)/3.

**Phương thức 3:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 – Mã 100

Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Thí sinh đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện được tham gia xét tuyển.

Đối với Ngành Luật điểm thi môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 6.0$  điểm (*Bằng chữ: sáu phẩy không*) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 18.0$  điểm.

Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm cộng, ưu tiên (nếu có). Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT phải bao gồm môn Toán hoặc môn Ngữ văn, với trọng số tính điểm của môn này tối thiểu bằng  $1/3$  tổng điểm xét tuyển

Điểm ưu tiên và điểm cộng được xác định theo quy định tại Điều 7, Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đại học ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2026, và theo Quy chế tuyển sinh của Học viện;

Chi tiết điểm sàn xét tuyển từng ngành theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT sẽ được Học viện công khai trong thông báo điểm sàn xét tuyển.

Quy định về cách tính điểm xét tuyển phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (thang điểm 30) như sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Môn thi 1} + \text{Môn thi 2} + \text{Môn thi 3}) + \text{Điểm cộng (nếu có)} \\ + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

– **Phương thức 4:** Sử dụng phương thức khác – Mã 500 (áp dụng cho đối tượng dự bị đại học).

– Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, hoàn thành chương trình dự bị đại học và có tổng điểm trung bình chung kết quả học tập 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của năm lớp 10, 11, 12 đạt ngưỡng đầu vào do Học viện công bố trong thông báo tuyển sinh.

– Có văn bản của trường nơi học sinh học dự bị đại học và hồ sơ của học sinh gửi về Học viện để xét tuyển.

\* Nguyên tắc xét tuyển:

– Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

– Học viện xét theo điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

– Học viện đảm bảo nguyên tắc xét tuyển của thí sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

– Học viện không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên cho thí sinh có chứng chỉ nghề.

**3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh.**

Học viện sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh.**

**4.1 Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh năm 2026**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức tuyển sinh
-----	--------------	---	----------------------	-----------------------	----------	------------------	------------------------

1	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	180	C00 X74 D01 X21 D10	100, 200, 301, 500
2	7760101	Công tác Xã hội	7760101	Công tác Xã hội	200	C00 X74 D01 X21 D10	100, 200, 301, 500
3	7380101	Luật	7380101	Luật	220	D01 C00 X74 A00 D10	100, 301, 500
4	7320108	Quan hệ Công chúng	7320108	Quan hệ Công chúng	220	C00 X74 D01 X21 D10	100, 301, 500
5	7310205	Quản lý Nhà nước	7310205	Quản lý Nhà nước	180	C00 X74 D01 X21 D10	100, 200, 301, 500
6	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	190	C00 X74 D01 X21 D10	100, 200, 301, 500
7	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	180	C00 X74 D01 X21 D10	100, 200, 301, 500
8	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	130	D01 A00 X21 D10 A04	100, 200, 301, 500
9	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	180	D01 A00 X21 D10 A04	100, 200, 301, 500
<b>Tổng</b>					<b>1680</b>		

Học viện dành 2% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển thẳng theo Điều 8, trong trường hợp phương thức xét tuyển thẳng tuyển không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho các phương thức xét tuyển khác.

#### 4.2 Mã tổ hợp xét tuyển:

STT	MÃ TỔ HỢP	TÊN TỔ HỢP
1	A00	Toán, Lý, Hóa
2	A04	Toán, Vật lí, Địa lí
3	C00	Văn, Sử, Địa
4	D01	Văn, Toán, Anh
5	D10	Toán, Địa, Anh
6	X21	Toán, Địa, GDKT&PL
7	X74	Văn, Địa, GDKT&PL

#### 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện

##### 5.1 Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân
- Thí sinh phải xếp thứ tự NV từ cao xuống thấp (NV ưu tiên cao nhất là NV1).
- Học viện xét tuyển theo phương thức xét tuyển, mà ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

Trường hợp thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển ở nhiều NV thì sẽ lấy kết quả trúng tuyển theo NV có mức độ ưu tiên cao nhất trong số các NV đủ điều kiện trúng tuyển. Nếu đã trúng tuyển NV có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

Trường hợp nhiều thí sinh cùng mức điểm sẽ xét theo tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển: thí sinh có nguyện vọng ưu tiên cao hơn sẽ trúng tuyển.

Nếu xét tuyển theo mỗi ngành, địa điểm đào tạo không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho các ngành, địa điểm đào tạo khác.

##### 5.2. Điểm cộng

Điểm cộng bao gồm điểm thưởng đối với thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng; điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế (nếu có).

Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 10%

điểm tối đa của thang điểm xét tuyển.

### **5.2.1. Điểm thưởng đối với thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng.**

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế có liên quan đến các ngành đào tạo của Học viện do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển được cộng 3.0 điểm

### **5.2.2. Điểm khuyến khích (theo thang điểm 30) đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

STT	Chứng chỉ tiếng anh IELTS	Điểm khuyến khích
1	Từ 7.0 trở lên	1.5 điểm
2	6.5	1.25 điểm
3	6.0	1 điểm
4	5.5	0.75 điểm
5	5.0	0.5 điểm

\*Lưu ý:

- Đối với những thí sinh có thành tích đặc biệt, môn đoạt giải phải thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển vào ngành đào tạo của Học viện.
- Chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được sử dụng cho điểm khuyến khích.
- Trường hợp thí sinh có nhiều đầu điểm cộng, thì tổng các điểm cộng chỉ được tính tối đa 3.0 điểm.

### **5.2.3. Điểm cộng khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên**

- Điểm cộng khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên thực hiện theo Điều 7, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

## **6. Tổ chức tuyển sinh.**

### **6.1 Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển**

Thời gian: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

Hình thức: Trực tuyến và trực tiếp, cụ thể như sau:

Đối với tất cả các phương thức, thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển: Theo kế hoạch thông báo của Học viện và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí

sinh đều phải nộp hồ sơ bản cứng có photo công chứng về học viện và đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT nếu thiếu một trong hai điều kiện trên thì nguyện vọng đăng ký không được chấp thuận.

Thời gian xét tuyển lọc ảo và công bố kết quả: Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*\* Lưu ý: Thí sinh cần phải cập thường xuyên cập nhật thông tin khi có thay đổi, điều chỉnh của Thông tin tuyển sinh (đề án) này và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*

## **6.2 Điều kiện xét tuyển**

Thí sinh xét tuyển các phương thức (trừ thí sinh đặc cách xét tốt nghiệp, thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng và thí sinh quy định tại khoản 3, khoản 4 điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT) phải đáp ứng các điều kiện: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) theo tổ hợp xét tuyển (môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) phải  $\geq 15.0$  điểm trên thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026. Đối với ngành Luật điểm thi môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 6.0$  điểm (*Bảng chữ: sáu phẩy không*) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp ĐKXT phải  $\geq 18.0$  điểm.

## **7. Chính sách ưu tiên**

### **7.1 Xét tuyển thẳng**

Học viện áp dụng các quy định theo Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng và theo Quy chế tuyển sinh của Học viện, cụ thể như sau:

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

7.1.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Học viện quy định.

7.1.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

7.1.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

7.1.4. Học viện căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần nếu thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Học viện quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **7.2. Ưu tiên xét tuyển**

Học viện áp dụng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Điều 7, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh

các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng và theo Quy chế tuyển sinh của Học viện).

## **8. Lệ phí xét tuyển**

Lệ phí đăng ký nguyện vọng xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **9. Cam kết của Học viện đối với thí sinh**

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

## **10. Các nội dung khác**

### **10.1. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy.**

Năm học 2026-2027 mức thu học phí dự kiến từ 625.000 đến 705.000 nghìn đồng/1 tín chỉ. Học phí có sự điều chỉnh theo năm học, theo quy định của nhà nước.

**10.2. Thời gian dự kiến các đợt tuyển sinh trong năm:** Theo lịch chung của Bộ GD&ĐT và thông báo của Học viện

### **10.3. Ký túc xá**

Học viện có 1000 chỗ ở khu nội trú tại ngõ 33 và 59 Chùa Láng, phường Láng, Hà Nội cho sinh viên ở xa (xét ưu tiên theo các nhóm đối tượng từ 01 – 07 theo quy định ưu tiên khi tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT)

### **10.4. Chế độ ưu đãi của Học viện**

Sinh viên thuộc các đối tượng ưu tiên được hưởng các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Nhà nước dành cho các trường công lập.

Những sinh viên trúng tuyển và nhập học có kết quả trúng tuyển đạt  $\geq 25$  điểm trở lên có cơ hội nhận được học bổng của Học viện và các nguồn tài trợ khác

Sinh viên được đào tạo toàn diện về kỹ năng mềm qua các khoá học kỹ năng mềm, tuần sinh hoạt công dân, tham gia các CLB/ đội/ nhóm phù hợp với chuyên ngành, sở thích của bản thân.

Sinh viên được định hướng, tiếp cận các cơ hội việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo ngay khi theo học tại Học viện.

Sinh viên có cơ hội được tham gia các hoạt động thực tế tại Tòa án, doanh nghiệp, tổ chức, chương trình, cuộc thi trong và ngoài Học viện trên cả nước như Cuộc thi về luật, Cuộc thi tin học/an ninh mạng, Cuộc thi thiết kế/truyền thông,...

## **11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Năm 2024					Năm 2025				
					Tổ hợp	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Tổ hợp	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
								100	200				100	200
1	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	C00	150	225	24.5	23	C00	180	162	23.8	26.4
					X74					X74				
					D01					D01				
					X21					X21				
					C20					C20				
A09	X70													
2	7760101	Công tác Xã hội	7760101	Công tác Xã hội	C00	150	309	25.5	22	C00	150	132	24.5	26.8
					X74					X74				
					D01					D01				
					C20					C20				
					A09					A09				
X21	X21													
3	7380101	Luật	7380101	Luật	C00	380	370	25.5	26	C00	300	299	24.8	26.9
					X74					X74				
					A00					A00				
					D01					D01				
					C20					C20				
A00	X21													
4	7320108	Quan hệ Công chúng	7320108	Quan hệ Công chúng	C00	130	123	27.5	27.5	C00	300	316	25.8	27.4
					X74					X74				
					D01					D01				
					C20					C20				

					D01					D15				
					D66					X21				
5	7310205	Quản lý Nhà nước	7310205	Quản lý Nhà nước	C00	150	186	25.5	23	C00	180	171	24.1	26.6
					X74									
					D01									
					C20									
					A09									
X21														
6	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	C00	110	101	26.5	26.5	C00	150	166	25.3	27.2
					X74									
					C20									
					A09									
					D01									
X21														
7	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	C00	150	236	24.5	21	C00	180	171	24	26.5
					X74									
					C20									
					A09									
					D01									
X21														
8	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	0	0	0	0	0	D01	150	192	21	24.8
					A00									
					X21									
					D10									
					A01									
A04														



9	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	D01	130	144	20	24
										A00				
										X21				
										D10				
										A01				
										A04				

### CÁN BỘ KÊ KHAI

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại, liên hệ, địa chỉ Email)

Email: [hieunguyen.vya@gmail.com](mailto:hieunguyen.vya@gmail.com)

Số điện thoại: 0964.529.276

**Nguyễn Công Hiếu**

Hà Nội, Ngày 18 tháng 3 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Minh Tuấn**